

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HS-ST
Ngày: 15-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ tên: **Phạm H** - sinh năm 1971 tại thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 8/153 đường B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T (đã chết) và bà: Trần Thị S; bố dượng: Nguyễn Đức B; có vợ: Trần Thị P (đã ly hôn) và 02 con;

Tiền án: Ngày 25-02-2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 07 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21-3-1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 10-3-1999 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 26-6-2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 03-8-2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 40 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-11-2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 23-11-2017 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*
Nguyễn Đức L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 14-11-2017, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực ngõ 153 đường B, phường T, thành phố Đ phát hiện Phạm H đang bán trái phép chất ma túy cho Trần Khắc A, sinh năm 1959, trú tại: Số 13/75 đường T, phường V, thành phố Đ và Lã Anh D, sinh năm 1983, trú tại: Số 29/46 khu C, phường D, thành phố Đ. Quá trình bắt giữ, tổ công tác đã thu giữ của A 01 gói nilong màu trắng bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (A khai là gói ma túy đá vừa nhờ H mua hộ giá 500.000 đồng), thu giữ của H 50.000 đồng (H khai là tiền A vừa trả công mua ma túy cho A). Tổ công tác đã niêm phong vật chứng rồi đưa H, A, D cùng người làm chứng về trụ sở Công an lập biên bản bắt người có hành vi phạm pháp quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của H 01 chiếc xe máy BKS: 18B1-78868.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu giám định vật chứng thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 881/GĐKTHS ngày 16-11-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu các hạt tinh thể màu trắng thu giữ là chất ma túy, loại chất ma túy là Methamphetamin, có trọng lượng 0,087 gam (không phẩy không tám bảy gam).

Tại cơ quan điều tra, Trần Khắc A và Lã Anh D khai nhận góp tiền mua ma túy của H để sử dụng chung. Phạm H khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như sau: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 14-11-2017, Trần Khắc A và Lã Anh D gặp nhau tại ngã tư B+C, thành phố Đ. A và D thống nhất: A góp 300.000 đồng, D góp 250.000 đồng để đi mua ma túy về sử dụng chung. Cả hai

đi đến nhà H tại địa chỉ: Số 8/153 đường B, phường T, thành phố Đ gặp H. Tại đây, A bảo H mua cho 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng và trả công cho H 50.000 đồng sau khi mua được ma túy. H đồng ý và nhận 500.000 đồng A đưa rồi hẹn A tại khu vực đầu ngõ 153 đường B, phường T, thành phố Đ để giao dịch. Sau đó, H đi xe máy BKS: 18B1-78868 đến khu vực đường T, thành phố Đ mua của một người đàn ông không rõ lai lịch 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng. H cầm gói ma túy đi về chỗ hẹn đưa cho A. A nhận gói ma túy và trả cho H 500.000 đồng tiền công như đã thỏa thuận. Khi H vừa nhận tiền A đưa thì bị tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Nam Định phát hiện bắt giữ.

Về nguồn gốc chiếc xe máy BKS: 18B1-78868 H khai là mượn của anh Đỗ Thịnh P, sinh năm 1981, trú tại: Xã P, huyện L, tỉnh Nam Định (là bạn của H). Chiếc xe máy là tài sản của anh Đỗ Thạch B, sinh năm 1974, trú tại: Xã P, huyện L, tỉnh Nam Định (anh trai anh P). Anh P và anh Thạch B không biết việc H mượn xe máy để đi bán ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đỗ Thạch B.

Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Phạm H, tài liệu Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên đã tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Trần Khắc A và Lã Anh D, hành vi không đủ cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Nam Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bản cáo trạng số 52/QĐ-KSĐT ngày 06-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Phạm H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Phạm H tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Phạm H từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm H nói lời sau cùng: Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 14-11-2017, Phạm H đã có hành vi bán trái phép 0,087 gam Methamphetamine mục đích để kiếm lời tại khu vực ngõ 153 đường B, phường T, thành phố Đ thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi bán ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phạm H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về hình phạt:

Xét bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị đưa ra xét xử nhiều lần nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản chất coi thường pháp luật. Tuy nhiên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử sẽ xử phạt bị cáo ở mức giữa của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo mua hộ ma túy mục đích để kiếm lời nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình bị cáo là hộ nghèo nên Hội đồng sẽ xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 50.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm H 30 tháng tù (ba mươi tháng tù).

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 14-11-2017.

2. Xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000 đồng.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-01-2018).

4. Án phí:

- Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Phạm H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ